**VẬT LÝ 6**

**BÀI 24: SỰ NÓNG CHẢY VÀ SỰ ĐÔNG ĐẶC**

**I. SỰ NÓNG CHẢY**

**1. Khái niệm: Sự chuyển từ thể rắn sang thể lỏng gọi là sự nóng chảy**

**2. Phân tích kết quả thí nghiệm**

## *C1. Tăng dần. Đoạn thẳng nằm nghiêng.*

## *C2. Tới 800C. Băng phiến tồn tại ở thể rắn và thể lỏng.*

## *C3. Nhiệt độ không thay đổi. Đoạn thẳng nằm ngang.*

## *C4. Nhiệt độ tăng dần. Đoạn thẳng nằm nghiêng.*

**3. Rút ra kết luận**

C5.

- Băng phiến nóng chảy ở 800C. Nhiệt độ này gọi là nhiệt độ nóng chảy của băng phiến

- Trong thời gian nóng chảy, nhiệt độ của băng phiến không thay đổi.

**BÀI 25: SỰ NÓNG CHẢY VÀ SỰ ĐÔNG ĐẶC (tiếp theo)**

**I. SỰ ĐÔNG ĐẶC**

**1. Khái niệm: Sự chuyển từ thể lỏng sang thể rắn gọi là sự đông đặc.**

**2. Phân tích kết quả thí nghiệm**

## *C1. Ở 800C*

## *C2.*

## *- Đường biểu diễn từ phút 0 đến phút thứ 4 là đoạn thẳng nằm nghiêng.*

## *- Đường biểu diễn từ phút thứ 4 đến phút thứ 7 là đoạn thẳng nằm ngang.*

## *- Đường biểu diễn từ phút thứ 7 đến phút thứ 15 là đoạn thẳng nằm nghiêng.*

## *C3*.

## *- Từ phút 0 đến phút thứ 4 nhiệt độ của băng phiến giảm*

## *- Từ phút thứ 4 đến phút thứ 7 nhiệt độ của băng phiến không thay đổi*

## *- Từ phút thứ 7 đến phút thứ 15 nhiệt độ của băng phiến giảm*

## *3. Rút ra kết luận*

C4.

- Băng phiến đông đặc ở 800C. Nhiệt độ này gọi là nhiệt độ đông đặc của băng phiến. Nhiệt độ đông đặc bằng nhiệt độ nóng chảy.

- Trong thời gian đông đặc, nhiệt độ của băng phiến không thay đổi.

**II. VẬN DỤNG**

C5.

+ Sự thay đổi nhiệt độ trong quá trình nóng chảy của nước đá

+ Từ phút thứ 0 đến phút thứ 1 nhiệt độ của nước đá tăng dần và ở thể rắn

+ Từ phút thứ 1 đến phút thứ 4 nhiệt độ của nước đá không thay đổi và ở thể rắn và thể lỏng

+ Từ phút thứ 4 đến phút thứ 7 nhiệt độ của nước tăng và ở thể lỏng

C6.

- Đồng nóng chảy: từ thể rắn sang thể lỏng, khi nung trong lò đúc

- Đồng đông đặc: từ thể lỏng sang thể rắn, khi nguội trong khuôn đúc

C7. Vì nhiệt độ này là xác định và không đổi trong quá trình nước đá đang tan.

**BÀI TẬP**

**- Làm bài tập 24-25.1,2,3,6,8,9,10,11,12**

**LƯU Ý:**

***- Học sinh ghi bài vào tập và làm bài tập chụp lại gửi qua zalo, messenger, đ.c mail, hoặc nộp ở phòng bảo vệ, gửi cho gvcn. (Khi làm các em nhớ ghi rõ họ, tên, lớp).***

***- Đối với học sinh lớp 6A123 gửi cho cô Thu:***

+ gmail: npthuthcsmp@gmail.com

+ Messenger: Các em vào facebook tìm Thu Trang

***- Đối với học sinh lớp 6A4567 gửi cho cô Nhài:***

+ Gmail: nhaimyphuoc2016@gmail.com

+ Messenger: Các em vào facebook tìm Nhai Nguyen Thi Nhai

+ Zalo: Các em vào zalo theo số đt - 0946878725

***- Các em chưa hiểu kiến thức của bài có thể tương tác với gv qua Zalo, messenger***

**NGỮ VĂN LỚP 6**

1. SOẠN BÀI: LƯỢM, HOÁN DỤ.
2. TIẾNG VIỆT: Bài tập

 Xác định các kiểu ẩn dụ trong các câu sau đây :

*- Người Cha mái tóc bạc*

*Đốt lửa cho anh nằm.*

*(Minh Huệ)
- Bây giờ mận mới hỏi đào
Vườn hồng đã có ai vào hay chưa ?
                                      (Ca dao)
- Này lắng nghe em khúc nhạc thơm.
                                  (Xuân Diệu)
- Em thấy cơn mưa rào
Ngập tiếng cười của bố.
                                (Phan Thế Khải)*

C.TẬP LÀM VĂN**:** Đề bài: **Tả về một người thầy(cô) giáo mà em quý mến**.

 **Hết**

**Lưu ý: Học sinh có thể liên hệ:**

**- Thầy Phương**

**- Số ĐT 0984433846**

**- Học sinh nộp bài, tương tác với giáo viên qua: mail, zalo.**

**- Địa chỉ mail:** **phuongbv.thcsphuan.bc.bd@gmail.com**

**- Zalo:** Các em nhập số điện thoại **0984433846**

**TOÁN 6**

**THẦY TIẾN ĐỔI SỐ ID: 824 448 3938, PASS: 1**

**1. THẦY TIẾN:**

**- Số ĐT thầy Tiến: 0919595907, 0962380314**

**- Học sinh nộp bài, tương tác với giáo viên qua: mail, zalo, Facebook (messenger)**

**- Địa chỉ mail:** **ngvtien2007@gmail.com**

**- Zalo:** Các em nhập số điện thoại 0919595907

**2. CÔ THẢO:**

**- Số ĐT cô Thảo:** 0334664279

**- zalo:** các em nhập số điện thoại 0334664279

**- Nộp bài:** Các em nộp bài tập qua zalo hoặc lên trường nộp trực tiếp tại phòng bảo vệ hay GVCN

**3. Xem bài giảng:** Các em vào trang web **olm.vn,** chọn hình máy quay phim ở phía sau tên bài học để xem bài giảng. Các em lên mạng tìm hiểu thêm bài học và bài tập nhen. **Cố lên !**

**---------------------------------------------------------------------------------------**

**SỐ HỌC 6**

**§ 6 SO SÁNH PHÂN SỐ**

**1. So sánh hai phân số cùng mẫu.**

|  |
| --- |
| ***\*Quy tắc:*** *Trong hai phân số cùng mẫu dương phân số nào có tử lớn hơn thì lớn hơn.* |

Ví dụ:



?1 ; 

; 

**2. So sánh hai phân số không cùng mẫu.**

**\* Quy tắc:** Muốn so sánh hai phân số không cùng mẫu, ta viết chúng dưới dạng hai phân số có cùng một mẫu dương (quy đồng) rồi so sánh các tử với nhau: phân số nào có tử lớn hơn thì lớn hơn.

**\*Ví dụ:** So sánh hai phân số 

Giải.

- Quy đồng mẫu các phân số 





- Vì -15 < -16 nên hay 

**2. bài tập: ?2, 38 trang 23**

**---------------------------------------------------------------------------------------------**

**§ 7 PHÉP CỘNG PHÂN SỐ**

**1. Cộng hai phân số cùng mẫu**

**\* Quy tắc:** Muốn cộng hai phân số cùng mẫu, ta cộng các tử và giữ nguyên mẫu chung

**\*Ví dụ:**

a)

b) 

c) 

**2. Cộng hai phân số không cùng mẫu.**

**\* Quy tắc:** Muốn cộng hai phân số không cùng mẫu, ta viết chúng dưới dạng hai phân số có cùng một mẫu (quy đồng) rồi cộng các tử và giữ nguyên mẫu chung

Ví dụ :



?3

a) 

b) 

c) 

**2. bài tập: 42, 43, 45 trang 26**

**-----------------------------------------------------------------------------------------**

**§8 TÍNH CHẤT CƠ BẢN CỦA PHÉP CỘNG PHÂN SỐ**

**1. Các tính chất.**

**\* Tính chất:**

|  |  |
| --- | --- |
| Giao hoán |  |
| Kết hợp |  |
| Cộng với số 0 |  |

**2. Áp dụng.**

Ví dụ:



=  (t/c giao hoán)

= (t/c kết hợp)

= (-1) + + 1

= 

= ( cộng với số 0)

?2

a) B = 

 

**2. bài tập : ?2, 47 trang 28**

**ANH 6**

**UNIT 8: SPORTS AND GAMES**

**LOOKING BACK**

**I VOCABULARY**

* Playground (n): sân chơi
* Breaststroke (n): kiểu bơi ếch
* Pedals (n) bàn đạp
* Referee (n): trọng tài
* Rope (n) : dây thừng
* Paddle (n) vợt bóng bàn
* Serve : lượt giao bóng
* Take place in = be held : (v) được tổ chức ở
* Tease (v) trêu chọc

**II. GRAMMAR**

* The past simple tense ( các em xem lại thì quá đơn trong bài tập tuần 9)
* Imperative (mệnh lệnh thức)

Positive : V

Negative : don’t +V

**III. PRACTICE**

Choose the letter A, B, C or D to complete the sentences

**Question 1:** Last weekend, my friends and I \_\_\_\_\_\_\_\_\_ a football match.

1. Watch **B.** watching **C.** watched **D.** Watches

**Question 2:** My \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ sports are badminton and basketball.

**A.** fantastic **B.** favorite **C.** exhausted **D.** sporty

**Question 3:** You should buy a new \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ to play badminton.

**A.** pedals **B.** table **C.** racket **D.** shoe

**Question 4:** \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ is a running race of over 26 miles.

**A.** marathon **B.** weightlifting **C.** boxing **D.** athletics

**Question 5:** Annie love doing sports. She’s \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_.

**A.** hungry **B.** happy **C.** funny **D.** sporty

**Question 6:** It’s fantastic to \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ gymnastics.

**A.** have **B.** make **C.** get **D.** do

**Question 7:** The sports \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ lasted for 2 weeks in London.

**A.** compete **B.** competition **C.** competing **D.** competitive

**Question 8:** – What \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ do we need to go swimming? – A swimsuit and goggles.

**A.** equipment **B.** skateboard **C.** baseball **D.** regatta

**Question 9:** They \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ the fencing competition last year.

**A.** win **B.** won **C.** wins **D.** will win

**Question 10:** He adores \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ football with his friends.

**A.** doing **B.** making **C.** playing **D.** getting

**Question 11:** Table tennis is \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ difficult for him to play.

**A.** too **B.** so **C.** enough **D.** such

**Question 12:** \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ games such as chess is a good exercise for our brain.

**A.** indoor **B.** outdoor **C.** healthy **D.** easy

**Question 13:** Yesterday, he \_\_\_\_\_\_\_\_\_ judo for 3 hours.

**A.** went **B.** did **C.** got **D.** played

**Question 14:** Please stop \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ noise.

**A.** make **B.** made **C.** making **D.** to make

**Question 15:** Playing sports is \_\_\_\_\_\_\_\_\_ good way to stay away from stress.

**A.** a **B.** an **C.** the **D.** x

**ĐỊA 6**

**Câu 1: Trình bày đặc điểm các khối khí?**

**Câu 2: Trình bày sự thay đổi của nhiệt độ không khí.**

**Câu 3: Khí áp là gì? Trình bày về các đai khí áp trên bề mặt Trái Đất.**

**Câu 4: Trình bày đặc điểm của gió Tín Phong và gió Tây Ôn Đới?**

**Câu 5: Dựa vào bảng sau:**

**Lượng mưa (mm)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tháng** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** |
| **Bình Dương** | **0** | **3,4** | **0** | **162** | **312,6** | **340,2** | **667.8** | **250.8** | **293** | **128** | **92,6** | **21,6** |

**a. Tính tổng lượng mưa trong các tháng mùa mưa ( 5,6,7,8,9,10) ở tỉnh Bình Dương.**

**b. Tính tổng lượng mưa trong các tháng mùa khô (tháng 11, 12, 1, 2, 3, 4) ở tỉnh Bình Dương.**

**Nộp bài:** **kimnguyen.pa@gmail.com** **hoặc facebook: hoa thủy tiên**

**SỬ 6**

GIÁO VIÊN: NGUYỄN THỊ THANH MAI

MAIL: maithanh101992@gmail.com, sdt: 0392751202

**Câu 1: Thời kì Bắc thuộc là gì?**

**Câu 2: Theo em, sau hơn một nghìn năm bị đô hộ, tổ tiên chúng ta vẫn giữ được những phong tục, tập quán gì? Vì sao chúng ta vẫn giữ được đến ngày nay?**

**Câu 3: Liệt kê các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu từ bài 17 đến bài 23?**

**Câu 4: Trình bày cuộc khởi nghĩa Lý Bí?**

**Câu 5: sau khi thắng lợi Lý Bí đã làm gì?**

 **Câu 6: Giải thích ý nghĩa của tên nước Vạn Xuân của Lý Bí?**

 **CÁC EM LÀM VA NỘP LẠI CHO GIÁO VIÊN, HẠN CHÓT LÀ THỨ 7**

**GDCD 6**

**Bài 14: THỰC HIỆN TRẬT TỰ AN TOÀN GIAO THÔNG (tt)**

**3. Một số qui đinh về đi đường**

**a. Người đi bộ:**

- Người đi bộ phải đi trên hè phố , lề đường, Nếu không có hè phố, lề đường phài đi sát mép đường.

- Ở nơi có đèn tín hiệu , có vạch kẻ đường dành cho người đi bộ qua đường thì phải tuân thủ đúng

**b. Người đi xe đạp:**

- Không đi xe dàn hàng ngang, không lạng lách, đánh võng,

- Không đi vào đường dành cho người đi bộ hoặc phương tiện khác

- Không kéo đẩy xe khác, không mang vác chở vật cồng kềnh,

- Không thả hai tay hoặc đi một bánh

\* Đủ 12 tuổi trở lên được đi xe đạp

\* Đủ 16 tuổi trở lên được đi xe gắn máy (dung tích xi lanh dưới 50cm3)

c**. Qui định về an toàn đường sắt:**

- Không chăn thả gia súc, trâu bò;

- Không chơi đùa trên đường sắt

- Không thò đầu, chân tay ra ngoài khi tàu đang chạy

- Không ném đất đá và các vật nguy hiểm khác lên tàu và từ tàu xuống

**TIN HỌC 6**

### Lý thuyết

**I. NỘI DUNG BÀI HỌC TRƯỚC**

### *1. Định dạng văn bản*

    • Định dạng văn bản là thay đổi kiểu dáng, vị trí của các kí tự, các đoạn văn bản và các đối tượng khác trên trang.

    • Mục đích văn bản dễ đọc trang văn bản có bố cục đẹp và người đọc dễ ghi nhớ các nội dung cần thiết.

    • Định dạng văn bản gồm 2 loại.

       ◦ Định dạng kí tự.

       ◦ Định dạng đoạn văn bản.

### *2. Định dạng kí tự:*

    • Thay đổi dáng vẻ của một hoặc một nhóm kí tự.

    • Các tính chất phổ biến gồm:

    • Phông chữ: Hà Nội Hà Nội Hà Nội.

    • Cỡ chữ: Hà Nội Hà Nội Hà Nội.

    • Kiểu chữ: Hà Nội **Hà Nội** *Hà Nội* Hà Nội.

    • Màu sắc: Hà Nội Hà Nội Hà Nội.

a) Sử dụng các nút lệnh:

    • Ta chọn văn bản cần định dạng rồi sử dụng các nút lệnh trên thanh công cụ:



    • Các nút lệnh gồm:

       ◦ Phông chữ:  

       ◦ Cỡ chữ: 

       ◦ Kiểu chữ: 

       ◦ Màu chữ: 

Lưu ý: Nếu không chọn trước phần văn bản thì các thao tác sẽ không được áp dụng cho kí tự nào cả.

**II. NỘI DUNG BÀI MỚI**

### 1. Định dạng đoạn văn bản

    • Là thay đổi tính chất sau đây đoạn văn bản:

       ◦ Kiểu căn lề.

       ◦ Vị trí lề của cả đọan văn bản so với toàn trang.

       ◦ Khoảng cách lề của dòng đầu tiên.

       ◦ Khoảng cách đến đoạn văn trên hoặc dưới.

       ◦ Khoảng cách giữa các dòng trong đoạn văn.



    • Định dạng đoạn văn bản tác động đến toàn bộ đoạn văn bản mà con trỏ soạn thảo đang ở đó.

### 2. Sử dụng các nút lệnh để định dạng đoạn văn bản

    • Đưa con trỏ soạn thảo đoạn văn bản và sử dụng các nút lệnh trên thanh công cụ định dạng.



    • Căn lề: nháy một trong các nút để căn lề trái, phải, giữa 

    • Thay đổi lề cả đoạn văn: nháy một trong các nút để tăng, giảm lề trái đoạn văn bản 

    • Khoảng cách dòng trong đoạn văn: nháy chuột vào để chỉnh khoảng cách dòng trong đoạn văn bản 

### Bài tập:

**Câu 1:** Quan sát 2 kiểu định dạng của trích đoạn bài thơ Tre xanh trong hình dưới đây và nhận biết sự khác biệt giữa chúng.

**Câu 2:**  Em chỉ chọn một phần của đoạn văn bản và thực hiện một lệnh định dạng đoạn văn. Lệnh có tác dụng đối với toàn bộ đoạn văn bản không?

*(Học sinh chép nội dung bài học vào vở)*